TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2019
V/v. Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.
- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Bùi Văn Thiệu;
2. Ông: Bùi Văn Ơn

- Thư ký ghi biên bản phiên toà bà: Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà ông Nguyễn Công Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 03/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Bùi Văn T. Sinh năm 1984. Nơi cư trú: xóm Trào, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xét xử vắng mặt ngày 04/6/2019

- Bị đơn: chị Bùi Thị M, sinh năm 1985. Nơi cư trú: xóm Trào, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị M có tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Thượng Cốc trên cơ sở tự nguyện và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Nhưng từ năm 2018 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau vì chị M có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Mắc dù hai vợ chồng đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo nhưng tình trạng không hề thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không có, đời sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ

năm 2018 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị M .

Về con chung: Quá trình chung sống, chị M và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Đức Duy (con trai) sinh ngày 08/11/2007 và cháu Bùi Duy Nguyên (con trai), sinh ngày 30/11/2013. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với anh T. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu và chưa đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì thêm.

Về phía chị Bùi Thị M : Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã gửi các các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị M vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày ngày 08/05/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn T có nội dung:***

Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị M kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Thượng Cốc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2018 đến nay hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau vì anh T cho rằng chị M có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Mặc dù cả hai vợ chồng đã được bố mẹ hai bên khuyên bảo nhưng tình trạng không hề thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng li thân từ đầu năm 2018, khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị M có 02 con chung là cháu Bùi Đức Duy (con trai) sinh ngày 08/11/2007 và cháu Bùi Duy Nguyên (con trai) sinh ngày 30/11/2013. Hiện nay, hai cháu đều ở với bố.

Về điều kiện nuôi con của anh T và chị M: anh T và chị M đều có chỗ ở ổn định, có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra khi chưa vào mùa vụ cả hai còn đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. Từ ngày vợ chồng li thân đến nay, anh T một mình chăm sóc giáo dục cả hai cháu rất tốt. Chị M không thường xuyên ở nhà, không quan tâm, gần gũi cả hai con. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn giao cả 02 cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân**:** xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Đức Duy và cháu Bùi Duy Nguyên cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T chưa đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con và chị M không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không tranh chấp nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình "Ly hôn,tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là chị Bùi Thị M có hộ khẩu thường trú tại xóm Trào, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy,Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T và chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là chị Bùi Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị M.

2 Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị M và không có hạnh phúc; do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về con chung và cấp dưỡng:

Quá trình chung sống, chị M và anh T có 02 con chung Bùi Đức Duy và cháu Bùi Duy Nguyên, hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và chưa yêu cầu chị M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Duy và cháu Nguyên trình bày nguyện vọng muốn ở với anh T khi bố mẹ ly hôn. Theo anh T trình bày và theo kết quả xác minh tại địa phương, chị M tuy có thu nhập và chỗ ở ổn định nhưng từ khi ly thân không quan tâm, chăm sóc và liên lạc với hai con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho các cháu có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh T chưa đề nghị chị M cấp dưỡng nuôi con và chị M không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn Nhân và Gia đình.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị M .

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Đức Duy (con trai) sinh ngày 08/11/2011 và cháu Bùi Duy Nguyên (con trai), sinh ngày 30/11/2013 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác kể từ tháng 7 năm 2019. Chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000699 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Anh Bùi Văn T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Văn Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Bùi Văn Ơn **2. Bùi Văn Thiệu** **Bùi Văn Cương**